

Bản án số: 301/2025/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A.

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐHPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Văn C, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Căn cước số: 024076007638

Địa chỉ: Số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trương Hoàng P, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Căn cước số: 080083000545

Thường trú: 0709A Chung cư R, Số G T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đào Văn C trình bày:

Ngày 05/7/2021, ông Trương Hoàng P vay tiền của ông số tiền là 500.000.000 đồng, ông P cam kết trả nợ vào ngày 09/7/2021, không thoả thuận

về lãi suất. Ngày 20/10/2022, ông P trả cho ông số tiền 250.000.000 đồng. Từ khi trả số tiền 250.000.000 đồng, ông P cố tình trốn tránh không thực hiện mặc dù tôi đã liên hệ nhiều lần. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Hoàng P trả lại ngay số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật do ông P chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 21/10/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử và không yêu cầu vợ ông P là bà Hồ Thị Tuyết X trả nợ cùng ông P.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Trương Hoàng P đến Tòa để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Trương Hoàng P trả lại ngay số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Trương Hoàng P vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa mà không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc bị đơn không trả nợ khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trương Hoàng P trả lại ngay số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi do ông P chậm thực hiện nghĩa vụ, ghi nhận việc ông C yêu cầu ông P trả tiền lãi bắt đầu từ ngày 21/10/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ông Đào Văn C khởi kiện yêu cầu ông Trương Hoàng P trả số tiền còn thiếu, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn thường trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, bị đơn ông Trương Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến, cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về thời hiệu: Tại Giấy mượn tiền ngày 05/7/2021 giữa ông Đào Văn C và ông Trương Hoàng P có ghi thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 09/7/2021, tuy nhiên ông C ghi nhận vào ngày 20/10/2022, ông P trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng. Do vậy, ông P vẫn tiếp tục thực hiện theo nội dung thoả thuận của giấy mượn tiền. Theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*”, trong vụ án này các bên không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu nên Tòa án không áp dụng về thời hiệu để giải quyết mà Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

[1.4] Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Thu N là vợ của ông Đào Văn C thể hiện số tiền mà ông C cho ông P vay là tiền riêng của ông không liên quan đến bà.

Căn cứ lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông C đối với ông P, ông C chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả số tiền còn thiếu mà không yêu cầu bà Hồ Thị Tuyết X (vợ của ông P) liên đới trả nợ cùng ông P.

Do đó, Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Thu N và bà Hồ Thị Tuyết X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét, yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện tại Giấy mượn tiền ngày 05/7/2021 ông P ký nhận số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn trả chậm nhất ngày 09/7/2021 sẽ hoàn trả lại cho ông C. Ngày 20/10/2022, ông C xác nhận ông P đã trả cho ông số tiền là 250.000.000 đồng. Như vậy, ông Trương Hoàng P còn nợ ông C số tiền là 250.000.000 đồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ, đăng báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh

đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông P còn nợ ông C số tiền gốc 250.000.000 đồng **(1)**.

[2.2] Xét, yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 05/7/2021, hai bên không thỏa thuận về lãi suất vay, có thỏa thuận thời gian trả nợ vào ngày 09/7/2021 nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng cam kết. Ngày 20/10/2022, ông P thực hiện trả một phần tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, từ đó đến nay ông P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc cũng như tiền lãi cho ông C. Nay ông C không yêu cầu ông P trả nợ tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 10/7/2021 mà chỉ yêu cầu ông P phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định là 10%/năm, kể từ ngày 21/10/2022 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 357, điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm buộc bị đơn phải trả lãi suất 10%/năm (tương đương 0,0274%/ngày) trên số tiền nợ gốc của nguyên đơn từ ngày 21/10/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (30/6/2025), cụ thể:

$250.000.000 \text{ đồng} \times 983 \text{ ngày} \times 0.0274\% = 67.328.767 \text{ đồng}$ **(2)**.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C buộc ông P phải trả cho ông C số tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là **(1) và (2)** là: 317.328.767 đồng.

[2.3] Do ông P đã vi phạm thời hạn thanh toán làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, do vậy yêu cầu của ông C buộc ông P phải trả ngay số nợ trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trương Hoàng P phải trả ngay cho ông Đào Văn C số tiền là 317.328.767 (Ba trăm mười bảy triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 67.328.767 (Sáu mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.866.438 (Mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám) đồng.

Ông Đào Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đào Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.633.562 (Tám triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền số 0020721 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Phương Lan